

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SƠN DƯƠNG
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **195/2019/HNGĐ-ST**

Ngày: 16/7/2019

Về việc tranh chấp hôn nhân gia đình
giữa chị Lương Thị Đ và anh Ma Văn N

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN DƯƠNG, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Ma Thị Tuyết Mai.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Ma Thị Thu Loan.

2. Ông Ngô Cao Lâm.

- Thư ký phiên toà: Ông Hoàng Kỳ Khôi - Thư ký Toà án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên toà: Ông Hoàng Hữu Trí - Kiểm sát viên.

Ngày 16/7/2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Sơn Dương mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 78/2019/TLST - HNGĐ, ngày 08/3/2019 về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 12/6/2019; Quyết định hoãn phiên tòa số: 25/2019/QĐST-HNGĐ, ngày 28/6/2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lương Thị Đ ; sinh năm: 1983; địa chỉ: Thôn G, xã H, huyện S, tỉnh Tuyên Quang (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Ma Văn N; sinh năm: 1973; địa chỉ: Thôn G, xã H, huyện S, tỉnh Tuyên Quang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các bản khai, chị Lương Thị Đ trình bày:

Chị và anh Ma Văn N kết hôn năm 2002, trước khi kết hôn được tự do tìm hiểu, không bị cưỡng ép, lừa dối kết hôn, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương và đăng ký kết hôn ngày 04/01/2002 tại UBND xã H, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Sau khi kết hôn vợ chồng làm ăn sinh sống tại thôn G, xã H, huyện S. Cuộc sống chung vợ chồng ban đầu hạnh phúc, đến năm 2015 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hòa hợp với nhau về quan điểm sống và nhiều vấn đề khác nên chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại thôn P, xã T, huyện S ở, vợ chồng cũng ly thân từ đó đến nay, không còn quan tâm, chăm sóc gì đến nhau. Nay, chị xác định tình cảm vợ chồng đã hết, không thể tồn tại gia đình hạnh phúc nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Ma Văn N.

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là cháu Ma Việt B, sinh ngày 19/01/2003 và cháu Ma Thị Hồng S1, sinh ngày 05/9/2005, hiện nay cả hai cháu đang ở cùng anh N và bà nội. Vợ chồng ly hôn chị đề nghị để các cháu cho anh N tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục. Trường hợp anh N đề nghị cấp dưỡng nuôi con thì chị sẽ có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Chị xác định không đề nghị Tòa án giải quyết.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã báo gọi anh Ma Văn N đến để giải quyết vụ án nhưng anh N đều không có mặt. Qua xác minh tại địa phương thì hiện nay anh N vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn G, xã H, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Theo lời khai của bà Triệu Thị Đ1 (mẹ đẻ anh N) thì anh N và chị Đ có được tự do tìm hiểu, tự nguyện đến với nhau, được gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng làm nhà ra ở riêng gần nhà bà. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, đến năm 2015 - 2016 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng anh chị không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, từ đó hai người sống ly thân. Hiện nay hai cháu Ma Việt B và Ma Thị Hồng S1 vẫn sống cùng anh N và có sự tham gia chăm sóc của bà. Anh N có nhận được giấy triệu tập của Tòa án nhiều lần nhưng không đến Tòa án làm việc được và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đều đảm bảo đúng quy định.

Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng các Điều 28, 147, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Xử cho chị Lương Thị Đ được ly hôn với anh Ma Văn N; giao cháu Ma Việt B, sinh ngày 19/01/2003 và cháu Ma Thị Hồng S1, sinh ngày 05/9/2005 cho anh Ma Văn N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Lương Thị Đ không phải cấp dưỡng nuôi con và được quyền đi lại thăm con chung; chị Lương Thị Đ phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Theo cung cấp của Công an xã H, huyện S, tỉnh Tuyên Quang thì anh Ma Văn N có hộ khẩu thường trú và vẫn sinh sống, làm việc bình thường tại thôn G, xã H, huyện S. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập, anh N và gia đình anh N đã biết nhưng anh N không đến Tòa án để làm việc, đây được xem là trường hợp người bị kiện cố tình trốn tránh nghĩa vụ nên Tòa án vẫn giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lương Thị Đ và anh Ma Văn N kết hôn với nhau trên cơ sở tự do tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, do cả hai không cùng chung sống, không quan tâm đến nhau và đã ly thân từ năm 2015 đến nay nên không thể tồn tại một gia đình hạnh phúc, tiến bộ. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của chị Lương Thị Đ là xử cho chị Đ được ly hôn với anh Ma Văn N.

[2] Về con chung: Chị Lương Thị Đ và anh Ma Văn N có 02 con chung là Ma Việt B, sinh ngày 19/01/2003 và cháu Ma Thị Hồng S1, sinh ngày 05/9/2005 hiện nay đều đang ở cùng anh N. Xét nguyện vọng của các cháu cũng như căn cứ vào kết quả xác minh tại địa phương thì cuộc sống của các cháu vẫn đảm bảo khi ở với bố và có sự chăm sóc của bà nội. Bên cạnh đó, chị Đ cũng đề nghị giao con cho anh N nuôi dạy do chị đang đi làm ăn không thường xuyên có mặt tại địa phương và chưa có nhà riêng. Do đó, cần tuyên xử cho anh N

tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các cháu là phù hợp. Chị Đ không phải cấp dưỡng nuôi con và được quyền đi lại thăm con chung, không ai được cản trở.

[3] Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Chị Lương Thị Đ không đề nghị Toà án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[4] Về án phí: Chị Lương Thị Đ phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 147, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lương Thị Đ được ly hôn với anh Ma Văn N.
2. Về con chung: Giao cháu Ma Việt B, sinh ngày 19/01/2003 và cháu Ma Thị Hồng S1, sinh ngày 05/9/2005 cho anh Ma Văn N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Lương Thị Đ không phải cấp dưỡng nuôi con và được quyền đi lại thăm con chung, không ai được cản trở
3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Lương Thị Đ phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0000808, ngày 07/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Anh Ma Văn N không phải nộp án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết/.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Sơn Dương;
- T.H.A dân sự huyện Sơn Dương;
- UBND xã H (SD-TQ);
- Các đương sự;
- Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Ma Thị Tuyết Mai